

HỢP ĐỒNG CÔNG TRÌNH PHỤ VÀ VIỆC MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM GÁN NỢ CÓ GIỚI HẠN

1. Phần này do NRCS điền; đánh dấu vào ô thích hợp:

2. HỢP ĐỒNG số: _____

Giao dịch này dành cho CCC

Giao dịch này dành cho NRCS

Hợp Đồng Công Trình Phụ và việc Miễn Trừ Trách Nhiệm Gán Nợ Có Giới Hạn, có hiệu lực (4.) _____ (3.) _____, được ký bởi

(ghi rõ tên người ký văn bản này hoặc tổ chức có người đại diện ký vào văn bản) "Bên Có Công Trình Phụ," là người theo đây, trong phạm vi quy định tại Phần II của văn bản này, cấp phần công trình phụ và việc miễn trừ trách nhiệm gán nợ có giới hạn cho Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ (Hoa Kỳ) bằng cách và thông qua Dịch Vụ Bảo Tồn Tài Nguyên Thiên Nhiên hoặc Tổng Công Ty Tín Dụng Hàng Hóa, như đã nêu ở trên. Tài sản mô tả dưới đây bị ràng buộc bởi một công trình phụ được mô tả trong bản Hợp Đồng Chuyên Giao Bảo Hành Công Trình Phụ Đính Kèm.

Khu công trình phụ này nằm tại Quận (Trấn hoặc Xã) của (5.) _____ và Tiểu Bang (5a.) _____ và được xác định như sau:

6. Khu Vực Công Trình Phụ. Bất động sản bị ràng buộc bởi khu công trình phụ Liên Bang được mô tả như sau: (Cung cấp phần mô tả pháp lý của vùng đất gồm có khu vực công trình phụ hoặc mảnh đất ghi theo địa chính).

PHẦN I – ĐIỀU KHOẢN CHUNG

A. Quyền Hạn. Hợp Đồng Công Trình Phụ và việc Miễn Trừ Trách Nhiệm Gán Nợ Có Giới Hạn này được thực hiện theo yêu cầu của Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ dưới quyền hạn của 7 U.S.C 428a.

B. Mục Đích. Hợp Đồng Công Trình Phụ và việc Miễn Trừ Trách Nhiệm Gán Nợ Có Giới Hạn này được thực hiện theo yêu cầu của Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ liên quan đến việc thu hồi khu công trình phụ trên vùng bất động sản như mô tả ở trên để bảo đảm rằng khu vực công trình phụ này được bảo trì để tăng cường những chức năng và giá trị của vùng đất ngập nước.

C. Thời Hạn của Khu Công Trình Phụ và Hợp Đồng Công Trình Phụ và việc Miễn Trừ Trách Nhiệm Gán Nợ Có Giới Hạn. Thời hạn của khu công trình phụ và Hợp Đồng Công Trình Phụ và việc Miễn Trừ Trách Nhiệm Gán Nợ Có Giới Hạn này sẽ tiếp tục theo thời hạn của hợp đồng chuyên giao khu công trình phụ.

PHẦN II – HỢP ĐỒNG CÔNG TRÌNH PHỤ VÀ VIỆC MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM GÁN NỢ CÓ GIỚI HẠN

Bên Có Công Trình Phụ: (1) coi nhẹ lợi ích của mình trong tài sản được mô tả ở đây đối với khu công trình phụ của Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ cho cùng loại bất động sản được chuyển giao cho Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ trong khu vực công trình phụ; (2) thừa nhận rằng bất động sản, bao gồm cả diện tích của khu công trình phụ bị ràng buộc bởi quyền tiếp cận được ban cho Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ trong khu công trình phụ và đồng ý rằng quyền tiếp cận này sẽ cao hơn bất kỳ quyền nào của Bên Có Công Trình phụ; (3) coi nhẹ lợi ích của mình trong bất động sản đối với những mục đích của khu công trình phụ và bất kỳ cách sử dụng nào của khu công trình phụ được áp dụng theo những mục đích ấy; và (4) đồng ý rằng Hợp chúng quốc Hoa Kỳ có thể thực hiện thanh toán liên quan đến hợp đồng chuyên giao công trình phụ mà không cần xét đến bất kỳ yêu cầu gán nợ hoặc đòi nợ nào mà Bên Có Công Trình Phụ có thể có đối với bất kỳ người nào có lợi ích trong khu vực công trình phụ, trừ khi nhiệm vụ thanh toán đó đã được thực hiện cho Bên Có Công Trình Phụ theo một hình thức được Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ phê duyệt.

Hợp Đồng Công Trình Phụ và việc Miễn Trừ Trách Nhiệm Gán Nợ Có Giới Hạn này: (1) ràng buộc Bên Có Công Trình Phụ và những người thừa kế, người đại diện, người được ủy quyền, và những người kế tục liên quan đến lợi ích mà Bên Có Công Trình Phụ và những người khác như vậy có, hoặc có thể có, trong tài sản hoặc đối với bất cứ ai có lợi ích trong tài sản này; và (2) mang hiệu lực có lợi cho Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ và bất cứ người được ủy quyền nào.

7 a. _____ 7 b. Ngày: _____ 7 c. Chức danh: _____
 Chữ Ký Đại Diện Ủy Quyền của Bên Có Công Trình Phụ

8. (ĐIỀN VÀO ĐÂY XÁC NHẬN CỦA CÔNG CHỨNG THEO THÔNG LỆ CỦA TIÊU BANG HOẶC ĐỊA PHƯƠNG)

TUYÊN BỐ TIẾT LỘ CỦA OMB

Theo Đạo Luật Giám Bớt Thủ Tục Giấy Tờ năm 1995, một cơ quan có thể không thực hiện hoặc tài trợ, và người ta không cần phải trả lời, một tập hợp thông tin trừ khi có số kiểm soát OMB hợp lệ. Số kiểm soát OMB hợp lệ cho tập thông tin này là 0578-0013. Thời gian cần thiết để hoàn thành tập thông tin được ước tính trung bình là 49,5 phút mỗi lần phúc đáp, kể cả thời gian xem xét hướng dẫn, tìm kiếm nguồn dữ liệu hiện có, thu thập và duy trì dữ liệu cần thiết, và hoàn thành và rà soát tập thông tin.

TUYÊN BỐ KHÔNG KỶ THỊ

Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) nghiêm cấm phân biệt đối xử trong tất cả các chương trình và các hoạt động trên cơ sở chủng tộc, màu da, nguồn gốc quốc gia, tuổi tác, khuyết tật, và nếu có thể, giới tính, tình trạng hôn nhân, tình trạng gia đình, tình trạng cha mẹ, tôn giáo, khuynh hướng tình dục, thông tin di truyền, quan điểm chính trị, oán thù, hoặc bởi vì tất cả hoặc một phần thu nhập của một cá nhân có nguồn gốc từ bất kỳ chương trình hỗ trợ công nào. (Không phải tất cả nội dung cấm kỳ thị này áp dụng cho tất cả các chương trình.) Người khuyết tật cần phương tiện giao tiếp để hiểu thông tin chương trình (chữ nổi Braille, chữ in lớn, băng ghi âm, vv) nên liên hệ với Trung tâm Mục tiêu của USDA tại số máy (202) 720-2600 (giọng nói và TDD). Để nộp đơn khiếu nại về kỳ thị, hãy viết thư cho USDA, Giám Đốc Văn Phòng Quyền Dân Sự, 1400 Independence Avenue, SW., Washington, DC 20250-9410, hoặc gọi số (800) 795-3272 (giọng nói) hoặc (202) 720-6382 (TDD). USDA là một nhà cung cấp cơ hội bình đẳng và là nhà tuyển dụng lao động.

TUYÊN BỐ VỀ ĐẠO LUẬT BẢO MẬT

Những tuyên bố trên đây được thực hiện theo quy định của Đạo Luật Bảo Mật năm 1974 (5 U.S.C 522a). Việc cung cấp thông tin này là tự nguyện; tuy nhiên, nếu cung cấp thông tin thiếu chính xác, không đầy đủ sẽ dẫn đến bị khấu trừ hoặc thu hồi hỗ trợ kỹ thuật hoặc tài chính. Thông tin có thể được cung cấp cho các cơ quan USDA khác, Thuế Vụ, Sở Tư Pháp, hoặc cơ quan khác đang Thực Thi Pháp Luật Liên Bang hoặc của Tiểu Bang, hoặc để đáp ứng trát lệnh của tòa án, thẩm phán, hoặc tòa hành chính.

HỢP ĐỒNG CÔNG TRÌNH PHỤ VÀ VIỆC MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM GÁN NỢ CÓ GIỚI HẠN

TUYÊN BỐ KHỐI LƯỢNG BÁO CÁO CỦA OMB

Các Cơ Quan Liên Bang có thể không thực hiện hoặc không tài trợ, và người ta không cần phải trả lời, một tập thông tin trừ khi nó có số kiểm soát OMB hợp lệ hiện hành. Khối lượng báo cáo cho công chúng về tập thông tin này được ước tính trung bình 49,5 phút một lần phúc đáp, kể cả thời gian xem xét lại những hướng dẫn, tìm kiếm nguồn dữ liệu hiện có, thu thập và duy trì dữ liệu cần thiết, và hoàn thành và rà soát tập thông tin. Hãy gửi ý kiến về dự trừ trách nhiệm của công việc này hoặc bất kỳ khía cạnh nào khác của tập thông tin, kể cả những đề xuất để giảm khối lượng này tới Bộ Nông Nghiệp, Cán Bộ Kiểm Soát Số Liệu, OIRM (OMB NO. 0578-0013), Stop 7630, Washington, DC 20250-7630